

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút
2. Ông Lương Phi Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Ngọc L, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phùng Thị L, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn phản tố ngày 22 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Bùi Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tháng 4/2020 chị và anh Phan Ngọc L làm đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống cả hai luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Giữa chị và anh L đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giữa chị và anh L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Khi cưới nhau bên gia đình anh L có đi vàng cưới là 02 lượng vàng 24K gồm: 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, 01 cái kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K và 01 mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K và 02 chiếc vòng 05 chỉ vàng 24K. Toàn bộ số vàng này khi chị và anh L ly thân nhau thì chị gửi mẹ chồng là bà Phùng Thị L giữ. Nay giữa chị và anh L ly hôn thì chị yêu cầu chia đôi số vàng này, chị được sở hữu 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K và 9,5 chỉ vàng 24K, anh L được sở hữu 9,5 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Giữa chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Phan Ngọc L trình bày:

Vào tháng 4/2020, anh và chị Bùi Thị Kim N được sự mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Khi cưới bên chồng có cho cô dâu một số đồ cưới nhưng cả hai tự thỏa thuận. Sau khi cưới cả hai về bên anh sống. Trong thời gian chung sống cả hai không có con chung và không thiếu nợ ai. Do mai mối không tìm

hiếu nhau trước nên thường bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nay cả hai không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Bùi Thị Kim N.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phùng Thị L mặc dù đã được Tòa án tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố số 553/TB-TLVA ngày 23/11/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 555/TB-TA ngày 23/11/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 601/TB-TA ngày 10/12/2021; Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ số 608/TB-TA ngày 14/12/2021 nhưng bà L không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Bùi Thị Kim N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Bùi Thị Kim N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Kim N với anh Phan Ngọc L; về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con; về tài sản chung rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 24 lượng vàng 24K, về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Phan Ngọc L, bà Phùng Thị L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/3/2022, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Phan Ngọc L và bà Phùng Thị L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh L và bà L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết

định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh L và bà L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh L và bà L theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bên cạnh đó, anh L là Nguyên đơn có đơn khởi kiện ngày 23/10/2021 nhưng đã được triệu tập đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, chị N vẫn còn giữ yêu cầu nên chị N trở thành Nguyên đơn, anh L trở thành Bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 217, điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim N:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Kim N và anh Phan Ngọc L qua mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ về sống chung như vợ chồng từ tháng 4/2020 nên quan hệ giữa chị N và anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hiện nay giữa chị N và anh L đã không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ để tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chị N và anh L cũng đã ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Do chị N và anh L chưa đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa chị N và anh L không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu đối với việc chia tài sản chung là 02 lượng vàng 24K gồm: 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, 01 cái kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K và 01 mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K và 02 chiếc vòng 05 chỉ

vàng 24K nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị N theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với các loại tài sản khác và nợ chung, chị N và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, chị N và anh L được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phan Ngọc L.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Bùi Thị Kim N về việc yêu cầu chia tài sản chung là 02 lượng vàng 24K gồm: 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24K, 01 cái kiềng 04 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24K và 01 mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc 05 chỉ vàng 24K và 02 chiếc vòng 05 chỉ vàng 24K.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Kim N và anh Phan Ngọc L.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Chị Bùi Thị Kim N và anh Phan Ngọc L được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí:

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do anh Phan Ngọc L đóng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012321 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Buộc chị Bùi Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.443.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012329 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị N được nhận lại 1.143.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đương sự: 03
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy